

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: **19/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 28/3/2025

*“Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi
con”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu và ông Phạm Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà
Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương,
xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý sơ thẩm số 767/2024/TLST-
HNGĐ ngày 13/12/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐST- HNGĐ ngày 25/02/2025 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 13/2025/QĐ-ST ngày 13/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Kim D, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT: Số E T,
phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Số H L, phường N, thành
phố H, tỉnh Hải Dương. *(vắng mặt tại phiên tòa).*

2. Bị đơn: Anh Trần Đình H, sinh năm 1987; Nơi ĐKKHKT và trú tại: Số E
T, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương. *(vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Kim D thể hiện:*

Chị và anh Trần Đình H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn
tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/4/2011.
Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn.
Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H không chăm lo kinh tế,
không có trách nhiệm với gia đình và ngoại tình. Từ năm 2012 chị phát hiện anh H
có qua lại với người phụ nữ khác và từ đó cho đến nay anh H không thay đổi. Vợ
chồng không có kinh tế chung, mâu thuẫn kéo dài và bản thân chị đã quá sức chịu
đựng nên tháng 5/2024 chị đã nộp đơn ly hôn đến Tòa án. Sau đó vì sợ ảnh hưởng
đến các con và cho anh H cơ hội thay đổi nên chị đã rút đơn. Tuy nhiên sau đó, anh
H không thay đổi, vợ chồng vẫn mâu thuẫn, không nói chuyện được với nhau. Cuối
tháng 10/2024 chị và con bé về nhà bố mẹ đẻ ở số H L, phường N, thành phố H, tỉnh

Hải Dương sinh sống. Nay, chị không còn tình cảm với anh H, đề nghị Toà giải quyết cho chị được ly hôn.

Chị và anh H có 02 con chung là Trần Đình T, sinh ngày 20/8/2011 và Trần Đình P, sinh ngày 22/9/2019. Hiện, cháu T đang ở anh H, còn cháu P ở với chị. Chị đề nghị giải quyết cho chị nuôi con Trần Đình P, anh H nuôi con Trần Đình T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp chung, chị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Trần Đình H không có ý kiến giải quyết vụ án và không đến Tòa án làm việc.*

** Kết quả xác minh với T1 khu dân cư số 2, phường T, thành phố H thể hiện:* Chị Nguyễn Kim D và anh Trần Đình H là vợ chồng và có cư trú, sinh sống ở địa chỉ số E T, phường T, thành phố H. Khoảng cuối năm 2024, không biết vì lý do gì mà chị D không ở cùng anh H. Nay chị D xin ly hôn với anh H và yêu cầu giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị D và anh H có 02 con trai, hiện con lớn ở cùng anh H, còn cháu bé ở với chị D.

** Theo lời khai của cháu Trần Đình T – con chung của chị D và anh H thể hiện:* Cháu hiện đang ở cùng với bố là Trần Đình H tại địa chỉ số E T, phường T, thành phố H. Trước đây, cả gia đình sinh sống tại địa chỉ trên, quá trình chung sống bố mẹ phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Đến tháng 10/2024, mẹ cùng em là Trần Đình P đã chuyển về nhà bà ngoại ở cho đến nay. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố vì thuận tiện cho việc đi học của cháu.

** Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Nguyễn Kim D được ly hôn với anh Trần Đình H. Giao cho chị D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Đình P, anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Đình T; Chị D và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về quan hệ tài sản, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Kim D và anh Trần Đình H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/4/2021 theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của chị D và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng không còn thương yêu nhau, không cùng nhau phát triển kinh tế chung gia đình. Mâu thuẫn từ năm 2012 và căng thẳng từ tháng 5/2024, chị D đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, sau đó chị rút đơn. Tại Quyết định số 104/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2024 Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương đình chỉ giải quyết vụ án, để cho anh H cơ hội. Tuy nhiên, đến nay, vợ chồng vẫn không thể hoà hợp, hàn gắn được tình cảm. Quá trình giải quyết tại Tòa án, Tòa án tiến hành hoà giải hai lần nhưng anh H đều không có mặt. Xét hôn nhân của chị D và anh H không hạnh phúc, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn kéo dài và đến nay đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là Trần Đình T, sinh ngày 20/8/2011 và Trần Đình P, sinh ngày 22/9/2019. Xét nguyện vọng con Trần Đình T cũng như ý kiến của chị D, HĐXX cân giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Đình P, giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Đình T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Chị D và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết. Nên, quan hệ này Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Kim D được ly hôn anh Trần Đình H.

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Kim D và anh Trần Đình H có 02 con chung là Trần Đình T, sinh ngày 20/8/2011 và Trần Đình P, sinh ngày 22/9/2019.

Giao cho chị Nguyễn Kim D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Đình P; anh Trần Đình H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Đình T cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác. Chị D và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị D và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0000979 ngày 12/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương (đã thi hành xong).

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường Trần Phú, TP. Hải Dương (kết hôn năm 2011);
- Các đương sự;
- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Hà